

Hải Phòng, ngày 09 tháng 06 năm 2016

Số: 1114/BC-VISHIPEL

BÁO CÁO
ĐÁNH GIÁ VỀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH
DOANH HÀNG NĂM VÀ 03 NĂM GẦN NHẤT
(Giai đoạn năm 2013-2015)

Năm báo cáo: 2016

1. Tình hình sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển giai đoạn 2013-2015

1.1. Thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch giai đoạn năm 2013-2015

1.1.1. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu chính

Kết quả thực hiện các chỉ tiêu chính của kế hoạch sản xuất kinh doanh giai đoạn năm 2013- 2015 đạt được như sau:

Đơn vị tính: tỷ đồng

Chỉ tiêu	2013	2014	2015
- Doanh thu:	287,00	300,58	371,55
- Lợi nhuận	24,00	25,77	44,17
- Nộp Ngân sách	14,21	15,00	15,24

1.1.2. Kết quả thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh được giao

1.1.2.1. Sản xuất và cung ứng dịch vụ công ích Thông tin duyên hải (TTDH)

a) Dịch vụ công ích TTDH theo GMDSS (đối với tàu vận tải)

Giai đoạn năm 2013 - 2015, VISHIPEL đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ quản lý, vận hành và khai thác Hệ thống TTDH Việt nam để cung ứng dịch vụ công ích TTDH theo Hợp đồng đặt hàng với Cục hàng hải Việt Nam và theo quy định của pháp luật, thông lệ quốc tế về công tác thông tin an toàn hàng hải, đảm bảo thông tin liên lạc thông suốt 24/7 cho các phương tiện hoạt động trên biển theo chuẩn GMDSS và các tiêu chuẩn quốc gia.

Hệ thống TTDH Việt Nam (Hệ thống) thực hiện 8.760 giờ/năm hoạt động thu phát sóng cung ứng dịch vụ công ích TTDH theo GMDSS. Kết quả thực hiện cụ thể như sau:

- (1) *Dịch vụ trực canh cấp cứu theo GMDSS:* Hệ thống đã trực canh liên tục trên các phương thức sóng vô tuyến MF/HF/VHF trên 08 tần số, sóng vệ tinh Inmarsat, vệ

ting Cospas-Sarsat và các phương thức khác như fax, email, thoại,... đã thu nhận và xử lý **1.463** báo động cấp cứu (trong đó: **727** sự kiện tiếp nhận bằng phương thức thông tin vệ tinh Cospas – Sarsat, **69** sự kiện tiếp nhận bằng phương thức thông tin vệ tinh Inmarsat, **526** sự kiện tiếp nhận bằng phương thức Gọi chọn số (DSC), **23** sự kiện tiếp nhận bằng phương thức Thoại vô tuyến (RTP) và **118** sự kiện tiếp nhận bằng các phương thức Khác (Điện thoại, Fax). Qua đó đã hỗ trợ cho **198** sự kiện tìm kiếm cứu nạn, trợ giúp **1.717** thuyền viên Việt Nam và nước ngoài.

- (2) *Dịch vụ phát MSI theo GMDSS*: Hệ thống đã nhận và xử lý **9.855** bản tin nguồn thông tin an toàn hàng hải (MSI) bao gồm Cảnh báo hàng hải, Cảnh báo khí tượng, thông tin TKCN và Dự báo thời tiết biển để phát **261.333** lượt phục vụ các tàu thuyền hoạt động trên biển, trong đó: Cảnh báo hàng hải: phát 75.035 lượt; Cảnh báo khí tượng: phát 94.777 lượt; Thông tin tìm kiếm cứu nạn: phát 28.322 lượt; Dự báo thời tiết biển: phát 63.199 lượt
 - (3) *Dịch vụ tiếp nhận, xử lý và phân phối dữ liệu báo động Cospas-Sarsat từ Trung tâm điều hành thông tin vệ tinh Cospas-Sarsat của Việt Nam (VNMCC) tới các điểm phối hợp tìm kiếm cứu nạn (SPOC) của Lào và Campuchia*: Hệ thống đã tiếp nhận, xử lý và phân phối **358** dữ liệu báo động Cospas-Sarsat từ VNMCC tới các SPOC của Lào và Campuchia. Trong đó, **106** dữ liệu tới các SPOC của Lào và **252** dữ liệu tới các SPOC của Campuchia.
 - (4) *Dịch vụ thông tin nhận dạng và truy theo tầm xa (LRIT)*: Hệ thống đã cung cấp thông tin LRIT cho người sử dụng phục vụ cho mục đích an toàn, an ninh, bảo vệ môi trường và tìm kiếm cứu nạn trên biển, cụ thể như sau:
 - + Cơ quan quản lý nhà nước: Hệ thống đã cung cấp thông tin LRIT của 340 tàu Việt Nam và 6.043 tàu nước ngoài qua trang web; 1.472 bản tin yêu cầu và 4.957 bản tin phản hồi (bản tin chứa thông tin LRIT) theo yêu cầu trực tiếp từ các cơ quan quản lý nhà nước.
 - + Cung cấp thông tin LRIT cho NDC nước ngoài: 1.523 bản tin yêu cầu và 4.064 bản tin phản hồi (bản tin chứa thông tin LRIT) phục vụ tìm kiếm cứu nạn; 7.734 bản tin phản hồi (bản tin chứa thông tin LRIT) theo Standing Order.
 - (5) *Nhiệm vụ thu thông tin an toàn an ninh hàng hải*: Trên cơ sở thực hiện tốt việc trực canh liên tục ở chế độ 24/7, Hệ thống TTDH đã thu nhận và xử lý **407** bản tin an toàn an ninh hàng hải bao gồm: bản tin về hoạt động thăm dò, khảo sát, kéo giàn khoan, sà lan, thu thập dữ liệu, hoạt động ngầm dưới biển,...; bản tin về hoạt động tập trận, diễn tập quân sự, bắn đạn thật trên biển; bản tin an toàn an ninh khác.
- b) *Dịch vụ công ích TTDH không theo GMDSS (cho tàu thuyền đánh bắt hải sản)*

Dịch vụ công ích TTDH không theo GMDSS cung ứng cho tàu thuyền đánh bắt hải sản (trên tàu không trang bị thiết bị thông tin theo chuẩn GMDSS) đảm bảo thông tin an toàn, cấp cứu-khẩn cấp và đáp ứng kịp thời nhu cầu thông tin liên lạc trên biển cho tàu thuyền đánh bắt hải sản và ngư dân, đồng thời góp phần bảo vệ an ninh quốc gia trên biển thuộc chủ quyền Việt Nam. Kết quả thực hiện cụ thể như sau:

- (1) *Dịch vụ Trực canh cấp cứu:* Hệ thống đã trực canh liên tục 24/7 trên tần số 7903kHz tại 19 đài TTDH. Thực hiện thu nhận và xử lý **665** trường hợp thông tin Cấp cứu – Khẩn cấp, hỗ trợ **665** tàu thuyền đánh bắt hải sản, cứu giúp được **4.575** ngư dân Việt Nam và ngư dân nước ngoài.
- (2) *Dịch vụ phát thông tin an toàn hàng hải:* Thực hiện phát **165.704** lượt bản tin an toàn hàng hải phục vụ cho các tàu đánh bắt hải sản hoạt động trên biển trên tần số 7906 kHz và 8294 kHz, bao gồm: **29.641** lượt Cảnh báo Hành hải, **67.804** lượt Cảnh báo Khí tượng, **24.444** lượt Thông tin Tìm kiếm Cứu nạn, **43.815** lượt Dự báo thời tiết biển.
- (3) *Thực hiện phát quảng bá chương trình thông tin duyên hải trên sóng TTDH* với tần suất **3** phiên/ngày để cung cấp hỗ trợ thông tin hoạt động nghề cá, tuyên truyền phổ biến pháp luật, chuyên mục sức khỏe, hướng dẫn sử dụng thiết bị thông tin liên lạc, hỗ trợ cho hoạt động sản xuất nghề cá và đồng thời góp phần đảm bảo an toàn, an ninh, giảm thiểu tai nạn, thiệt hại cho tàu thuyền đánh bắt hải sản và ngư dân hoạt động trên biển.

1.1.3. Các hoạt động sản xuất, kinh doanh khác

Bên cạnh hoạt động sản xuất và cung cấp dịch vụ công ích TTDH, VISHIPEL đã nỗ lực, tích cực sản xuất và cung cấp dịch vụ đa dạng và thiết bị cho tàu vận tải và tàu thuyền đánh bắt hải sản để đảm bảo thông tin liên lạc trên biển hai chiều trên nhiều phương thức liên lạc, nhiều loại hình dịch vụ đáp ứng nhu cầu của các phương tiện hoạt động trên biển như:

- Dịch vụ viễn thông: Công ty tiếp tục đáp ứng nhu cầu của các khách hàng từ cơ quan quản lý nhà nước tới các chủ tàu thuyền, từ đối tượng tàu vận tải trọng tải lớn đến tàu thuyền đánh bắt hải sản thông qua việc cung cấp đa dạng các dịch vụ viễn thông như: dịch vụ vô tuyến điện tàu bờ, dịch vụ Inmarsat, dịch vụ VoIP, dịch vụ VSAT, dịch vụ quản lý phương tiện hoạt động trên biển;
- Dịch vụ truyền thông: Thực hiện hoạt động tuyên truyền Luật phòng chống thiên tai, Công ước SAR – 79 tới các chủ tàu, thuyền vận tải, tàu đánh bắt hải sản theo đặt hàng của Bộ Giao thông vận tải; thực hiện phát cảnh báo hành hải theo yêu cầu riêng cho doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực dầu khí;
- Kinh doanh thiết bị và dịch vụ kỹ thuật: hoạt động kinh doanh thiết bị và dịch vụ kỹ thuật giai đoạn năm 2013-2015 có sự tăng trưởng theo đúng định hướng đẩy mạnh hoạt động kinh doanh khác của Công ty;

- Cung cấp dịch vụ đào tạo: đã tổ chức đào tạo thành công 27 khóa GOC và 01 khóa ROC cho học viên các Công ty vận tải biển trong nước, đảm bảo chất lượng và đáp ứng yêu cầu tiêu chuẩn đào tạo.

1.2. Tình hình đầu tư các dự án giai đoạn năm 2013-2015

- ✓ **Dự án Thiết lập hệ thống nhận dạng và truy theo tầm xa (LRIT):** Giai đoạn 2013-2015 Công ty đã quản lý và triển khai dự án Thiết lập hệ thống nhận dạng và truy theo tầm xa (LRIT). Dự án Thiết lập hệ thống nhận dạng và truy theo tầm xa (LRIT) được Bộ Giao thông vận tải phê duyệt dự án đầu tư tại Quyết định số 3125/QĐ-BGTVT ngày 29/10/2010 với thời gian thực hiện từ năm 2010 đến năm 2014. Dự án thiết lập hệ thống nhận dạng và truy theo tầm xa – LRIT do Bộ Giao thông vận tải làm chủ đầu tư, VISHIPEL với vai trò là đơn vị thụ hưởng. Dự án đã được triển khai hoàn thành, đưa vào sử dụng trong năm 2014 với tổng mức đầu tư: 39,8 tỷ đồng. Hiện đang thực hiện các thủ tục hoàn thành công tác phê duyệt quyết toán.

1.3. Những thay đổi chủ yếu trong giai đoạn năm 2013-2015 (những khoản đầu tư lớn, ...): Không phát sinh

1.4. Thuận lợi, khó khăn chủ yếu, các yếu tố ảnh hưởng tới tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty

1.4.1. Thuận lợi

- Được sự hỗ trợ và tạo điều kiện của Bộ Giao thông Vận tải, Cục Hàng hải trong 3 năm giai đoạn 2013-2015, Công ty đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ chính trị được giao;
- Tập thể người lao động trong Công ty đoàn kết, đồng lòng cùng nhau chủ động quyết tâm hoàn thành nhiệm vụ chính trị được giao cũng như hoàn thành nhiệm vụ sản xuất kinh doanh của Công ty đề ra, đảm bảo sản xuất và cung cấp dịch vụ Thông tin duyên hải chất lượng tốt nhất tại Việt Nam, đáp ứng các tiêu chuẩn quốc gia và quốc tế.

1.4.2. Khó khăn

- Giai đoạn 2013-2015, là giai đoạn ngành vận tải biển gặp rất nhiều khó khăn. Cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu ảnh hưởng trực tiếp đến sự phát triển của ngành hàng hải trên thế giới và Việt Nam, kinh tế suy giảm dẫn đến nguồn hàng vận tải khan hiếm và không ổn định. Do vậy, ảnh hưởng đến việc khai thác của đội tàu, dẫn đến việc ảnh hưởng đến nhu cầu thông tin liên lạc cũng như trang bị thiết bị thông tin liên lạc trên tàu giảm đáng kể. Hoạt động kinh doanh của Công ty gặp nhiều khó khăn.

1.4.3. Yếu tố ảnh hưởng tới tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty

- Khoa học công nghệ thay đổi, Công ty luôn phải cập nhật, nghiên cứu công nghệ để có phương án đầu tư hiệu quả;
- Do có sự cạnh tranh của các doanh nghiệp nước ngoài;
- Cơ sở hạ tầng chật hẹp dẫn đến khó khăn trong công tác điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

1.5. Triển vọng và kế hoạch trong tương lai

- Tiếp tục đảm bảo cơ sở hạ tầng sẵn có để thực hiện tiếp nhận, xử lý thông tin cấp cứu phục vụ các tình huống tìm kiếm cứu nạn, an toàn, an ninh và thông tin liên lạc trên biển.
- Bảo đảm chất lượng các dịch vụ thông tin viễn thông hàng hải, viễn thông công cộng cho các hoạt động kinh tế, an ninh – quốc phòng, phòng chống thiên tai, bảo vệ môi trường biển và các nhiệm vụ chính trị khác.
- Kinh doanh có lãi, bảo toàn và phát triển vốn chủ sở hữu đầu tư tại Công ty; hoàn thành các nhiệm vụ do chủ sở hữu giao trong đó có chỉ tiêu tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu;
- Tối đa hóa lợi nhuận và hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty; tăng cường tích tụ, tập trung vốn, phân công chuyên môn hóa và hợp tác sản xuất, nâng cao chất lượng quản lý, chất lượng dịch vụ, hiệu quả đầu tư và kinh doanh, uy tín và khả năng cạnh tranh; thực hiện nhiệm vụ phát triển sản xuất kinh doanh định hướng của ngành.
- Thực hiện triển khai các nội dung theo Quyết định số 1054/QĐ-TTg ngày 26/6/2014 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch phát triển Hệ thống thông tin duyên hải Việt Nam đến năm 2020, định hướng đến năm 2030.

Trên đây là nội dung báo cáo đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh 3 năm giai đoạn 2013-2015 của Công ty TNHH MTV Thông tin điện tử hàng hải Việt Nam báo cáo Bộ Giao thông Vận tải.

Trân trọng kính chào

Nơi nhận:

- Bộ GTVT;
- Bộ KHĐT;
- Chủ tịch (để b/c)
- Lưu: HCTH, KHĐT.hthh




TỔNG GIÁM ĐỐC
PHAN NGỌC QUANG

BIỂU SỐ 1
MỘT SỐ CHỈ TIÊU VỀ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH CỦA DOANH NGHIỆP



STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện 2013	Thực hiện 2014	Thực hiện 2015	Ước thực hiện năm 2016
1.	Sản phẩm chủ yếu					
a)					
b)					
2.	Tổng doanh thu	tỷ đồng	287,00	300,58	371,55	350,00
3.	Lợi nhuận trước thuế	tỷ đồng	24,01	25,77	44,17	
4.	Nộp ngân sách	tỷ đồng	14,21	15,00	15,24	
5.	Sản phẩm dịch vụ công ích	Giờ phát sóng	8.760	8.760	8.760	8.784
6.	Kim ngạch xuất khẩu					
7.	Kế hoạch đầu tư phát triển					
a)	Nguồn vốn ngân sách					
b)	Vốn vay					
c)	Vốn khác					
8.	Tổng lao động	người	840	840	840	
9.	Tổng quỹ lương	tỷ đồng	71,17	80,53	88,92	
a)	Quỹ lương quản lý	tỷ đồng	2,159	2,31	2,52	
b)	Quỹ lương lao động	tỷ đồng	69,01	78,22	86,40	